



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 0141425

VEWL.# _____
I-171 : (Yes) No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HOANG NHI
Last Middle First
- Current Address 898 TÔ 4/2 Khu Bảo Chi, Xã An Phú, Thủ Đức, HO CHI MINH CITY
- Date of Birth 2/2/43 Place of Birth SAIGON, VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) Second Lieutenant (Thượng úy Bộ Tổng Tham Mưu / Tổng Cục Tiếp Vận, Số quân 61/184961)
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 5/75 To _____
3. SPONSOR'S NAME: THY DAO
Name
- BURKE, VA 22015
Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>THY DAO, BURKE, VA 22015</u>	<u>SISTER</u>
<u>KHANH T. NGUYEN, FALLS CHURCH, VA. 22042</u>	<u>BROTHER</u>
<u>QUAN NGUYEN, BURKE, VA. 22015</u>	<u>BROTHER</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 9/12/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HOANG NHI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI THU VAN	12/19/49	WIFE
NGUYEN NGOC ANH MINH	4/21/75	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN HOANG NH1
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : Feb 2 1943
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): ✓
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 898 Tõ 4/2 Khu Báo Chí, Xã An Phú,
 (Dia chi tai Viet-Nam) Huyện Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh Vietnam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): _____ To (Den): _____

PLACE OF RE-EDUCATION: _____
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Second Lieutenant 61/184961

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ✓
 IV Number (So ho so): 041425
 No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 2
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): _____
48 Cao Bồi Nha
P14, Q.I, Thành Phố Hồ Chí Minh / OR 898 Tõ 4/2 Khu Báo Chí, Xã An Phú
Huyện Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
THY DAO
Burke, Virginia 22015

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ✓ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Sister

NAME & SIGNATURE: THY DAO [Signature], Burke, VA 22015

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: Sept 12 1988
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HOANG NH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI THU VAN	10/19/49	WIFE
NGUYEN NGOC ANH MINH	4/21/75	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

OPP ID # SIA
RUL DATE: 06/06/82
PAGE NO. 237

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 041425

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Name: NGUYEN HOANG NHI

Other names used:

DOB: (mmddyy) 02/02/43 COB: VN
Address in Vietnam:5 TO 4/2 KHU BAO CHI, XA AN PHU, HUYEN THU DUC
P. HO CHI MINH, VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

Name: NGUYEN NGOC THIEN THY

DOB: (mmddyy) 04/05/1947 COB: VIETNAM

Address: BURKE, VA 22015
Telephone (Home): (Business):Category: REF PRA USC (on June 21, 1982, No: 11265991)

ACCOMPANYING RELATIVES

NAME	Sex	DOB	Rel.	COB	Documentation									
					FALCON	BC	BCT	MC	MCT	GVN	PHOTO	OTHER		
	M/F	MM DD YY	PA		MM DD YY									
NGUYEN HOANG NHI	M	02 02 43	PA	VN									1.	
NGUYEN THI THU VAN	F	12 19 49	WI	VN									2.	
NGUYEN NGOC ANH MINH	M	04 21 75	SO	VN									3.	
													4.	
													5.	
													6.	
													7.	
													8.	
													9.	
													10.	
													11.	
													12.	
													13.	
													14.	

FOR OFFICIAL USE ONLY

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Priority Date: 06/07/75 Rel Sponsor to PA: SR I 130 AOR AOS BC BCT MC MCT GVN PHOTO OTHER

SRV #: JWL:

Impl/Training (Cat 2): / / to / /

Impl/Training (Cat 3/4C): / / to / /

US Combat AWD: / / to / /



MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20005

202/659-6625

Telex: 248393 ATTN: MRS

CASE NO. 41280
(for USCC use)

NEW FORM

APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION (Relatives in Viet-Nam)

My name is : NGUYEN NGOC THIEN THY (THY DAO)
Family Middle Given NameI reside at: BURKE, VA. 22015I was born on: 04-05-1947 in: SAIGON, VIETNAMI arrived in the United States on/in: 06-07-1975 from: (country EGYPT or camp) AIR FORCE
(FLORIDA)My Alien Registration number is: A 22 034 974

My Naturalization Certificate number is: _____

My status is: ☐ Parolee ☒ Permanent Resident ☐ U.S. Citizen

I am making this application to request that the following relatives still in Viet Nam be authorized to come to the United States:

NAME	DATE AND PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP	ADDRESS IN VIETNAM
^{AL} NGUYEN HOANG NHI	02-02-1943, CHOLON, VN.	BROTHER	848 TO 4/2 Khu Bui Chu Xã An Phú, Huyện Thủ Đức TP. HO CHI MINH
^{AL} NGUYEN THI THU VAN	12-19-1949, TAN AN, VN	SISTER-IN-LAW	"
NGUYEN NGOC ANH MINH	04-21-1975, SAIGON, VN	NEPHEW	"

Signature: Thy DaoDate: NOVEMBER 04, 1981Before me, a Notary Public, on this day personally appeared Thy Dao
known to me to be the person whose name is subscribed to the foregoing instrument and
acknowledged to me that he/she executed the same for the purposes and consideration
therein expressed.STATE OF WashingtonCOUNTY OF KingNOTARY PUBLIC Charles H. H. H.My commission expires 12/31/82

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

Form I-171
(Rev. 4-2-81) Y

Handwritten signature: אברהם יצחק בן ישראל

No. 1213

NGUYEN VAN VANG (signed & sealed)

Certified by:

Oliver Cromwell
Acting Director
Information and Referral Unit
(Certifying Officer)

Date: February 25, 1981



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

Mẫu 149/BT-92-LS-23
Khô 21x27

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SAIGON
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH CHOLON.
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1943
(Année)

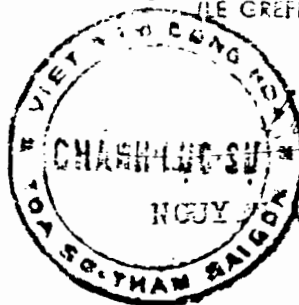
SỐ HIỆU
(Acte No)

1213

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYỄN HOÀNG NHI
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Masculin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	02.2.1943
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	27 avenue de la Marne
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn Ngọc Chương
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Secrétaire
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần thị Hai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	sans profession
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Premier rang

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

SAIGON, ngày 27.3.74
KT CHÁNH LỤC-SỰ, SANG. 5
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền . . . : 15 \$ 00
(Coût)

Biên lai số: 2582/-
(Quittance No)

SAIGON
SECOND PRECINCT
NGUYEN CU TRINH VILLAGE

MARRIAGE CERTIFICATE EXTRACT

Year: 1974

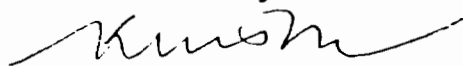
No. 38

Name of the Husband	:	NGUYEN HOANG NHI
Place of Birth	:	February 2, 1943
Date of Birth	:	Cho Lon
Name of Husband's Father	:	NGUYEN NGOC CHUONG
Name of Husband's Mother	:	TRAN THI MAI
Name of the Wife	:	NGUYEN THI THU VAN
Place of Birth	:	December 19, 1949
Date of Birth	:	Tan An, Long An
Legitimate wife?	:	Yes
Name of Wife's Father	:	NGUYEN THI THO
Name of Wife's Mother	:	TRAN THE ME
Date of Marriage	:	September 11, 1974 - 0930hrs

TRUE COPY

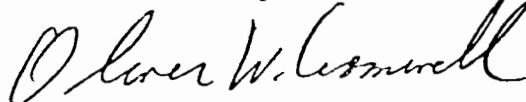
Saigon, September 12th 1974
Civil Status Officer,
CPT. HUYNH NGUYEN (signed & sealed)

Translated by:



Tran Thi Kim Dung
Refugee Program Specialist

Certified by:



Oliver Crowell
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

DEPARTMENT OF HEALTH AND HUMAN SERVICES
OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
330 C Street S. W. (Room # 1229)
Washington, D.C. 20201

FREE TRANSLATION

Date: February 25, 1981

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON
QUẬN-NHÌ

PHƯỜNG Ng. Cu-Trinh

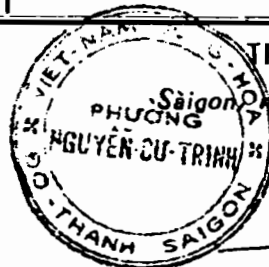
Số hiệu: 38

MIỄN LỆ PHÍ
HỒ SƠ QUÂN-ĐỘI

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THỦ

Lập ngày 11 tháng 9 năm 19 74

Tên họ chồng	NGUYỄN HOÀNG NHÌ
Ngày và nơi sanh	02 tháng 2 năm 1943 tại Chợ Lớn.
Tên họ cha chồng	Nguyễn-ngọc-Chường (Sống/Chết)
Tên họ mẹ chồng	Trần-thị-Hai (Sống/Chết)
Tên họ vợ	NGUYỄN TÀI THƯ VÂN
Ngày và nơi sanh	16 tháng 12 năm 1949 tại Tân-An, LỘNH-AN.
Tên họ cha vợ	Nguyễn-thị-Thơ (Sống/Chết)
Tên họ mẹ vợ	Trần-thị-Me (Sống/Chết)
Ngày lập hôn thú	11 tháng 9 năm 1974 hồi 9 giờ 30.
Có lập hôn khế không	//



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH T/...-

Ngày 11 tháng 9 năm 19 74

VIỆN-CHỨC HỘ-TỊCH

ĐẠI-ỦY HUỖNH-NGUYỄN

VIỆT - NAM CÔNG - HÒA

TỈNH HAY THỊ XÃ

Long An

QUẬN

Cần Giuộc

XÃ

Tân An

Số hiệu

295

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 19 tháng 12 năm 1979

Tên họ đứa trẻ	Nguyễn Thị Thu-Vân
Con trai hay con gái	nữ
Ngày sanh	Le 19. Décembre 1979
Nơi sanh	Maternité Tân-An
Tên họ người cha	Nguyễn - Thi - Thọ.
Tên họ người mẹ	Trần Thị Cầm
Vợ chánh hay chồng có hôn thú	Chánh
Tên họ người khai	Nguyễn - Thi - Thọ.

KHOI THI THUC



TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Ngày 04 tháng 01 năm 1974

Điền Chức Hộ tịch

NGUYỄN VĂN ĐÀN

VIỆT-NAM-CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH-SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Đak

Lập ngày 24 tháng 4 năm 19 75

PHƯỜNG Cầu Kho

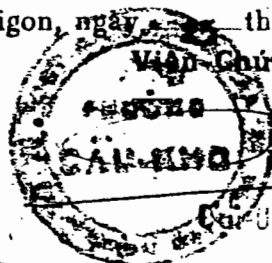
Số hiệu: 095

Tên họ đứa trẻ.	<u>NGUYỄN KIỆT ANH MINH</u>
Con trai hay con gái. .	<u>Nam</u>
Ngày sanh.	<u>Hai mươi một tháng tư năm Một nghìn chín trăm bảy mươi lăm. 09/10/50</u>
Nơi sanh.	<u>Saigon. 69 Phố-Diêm</u>
Tên họ người cha. . .	<u>Nguyễn-Hoàng-Nhi</u>
Tên họ người mẹ. . .	<u>Nguyễn-Thị-Thu-Vân</u>
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	<u>Vợ chánh, hôn thú số 38 Phường Nguyễn-Cư-Trinh, ngày 11-9-1974</u>
Tên họ người đứng khai.	<u>Nhi-San-Dong</u>

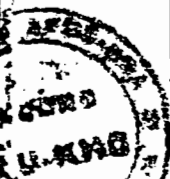
TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 24 tháng 4 năm 19 75

Văn-Chức Hộ-Tịch,



Có-UG LẠI-THẺ-PHỤ





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 041435
VEWL.# _____
I-171: (Yes)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HOANG NHI
Last Middle First
- Current Address 898 TÔ 4/2 Khu Bão Chi, Xã An Phú, Thủ Đức, HOCHIMINH CITY
- Date of Birth 2/2/43 Place of Birth SAIGON, VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) Second Lieutenant (Trung úy Bô Tổng Tham Mưu / Tổng Cục Tiếp vận, Sở quân 61/18496)
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5/75 To _____
3. SPONSOR'S NAME: THY DAO
Name
- BURKE, VA 22015
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>THY DAO, BURKE, VA 22015</u>	<u>SISTER</u>
<u>KHANH T. NGUYEN, FALLS CHURCH, VA 22042</u>	<u>BROTHER</u>
<u>QUAN NGUYEN, Burke, VA 22015</u>	<u>BROTHER</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 9/12/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HANG NHI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI THU VAN	12/19/49	WIFE
NGUYEN NGOC ANH ANH	4/21/75	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN HOANG NH1
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : Feb 2 1943
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): ✓
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 898 Tõ 4/2 Khu Bac Chi, Xa An Phu,
(Dia chi tai Viet-Nam) Huyen Phu Duc, Thanh Pho Ho Chi Minh Vietnam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): _____ To (Den): _____

PLACE OF RE-EDUCATION: _____
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Second Lieutenant 61/184961

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ✓
IV Number (So ho so): 041425
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 2
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): _____
48 Cao Bai Nha
P 14, Q I, Thanh Pho Ho Chi Minh / OR 898 Tõ 4/2 Khu Bac Chi, Xa An Phu
Huyen Phu Duc, Thanh Pho Ho Chi Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)
THY DAO
Burke, Virginia 22015

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ✓ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Sister

NAME & SIGNATURE: THY DAO Burke, VA 22015

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: Sept 12 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HOANG NH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI THU LAN	12/19/49	WIFE
NGUYEN NGOC ANH MINH	4/21/75	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE
IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE
25 East Street, N.W.
Washington, D.C. 20538

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

DAO Thy

Burke, VA 22015

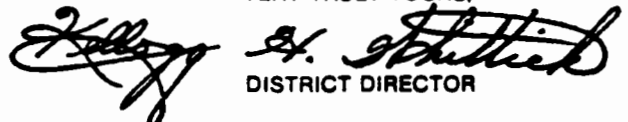
NAME OF BENEFICIARY	
NGUYEN-Thien Tho, (Nh1), Quan	
CLASSIFICATION	FILE NO.
P5-1	ALPHA
DATE PETITION FILED	DATE OF APPROVAL OF PETITION
7/8/82	8/11/82

Date: August 13, 1982

Please be advised that approval of the petition confers upon the beneficiary an appropriate classification. The approval constitutes no assurance that the beneficiary will be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Eligibility for visa issuance is determined only when application therefor is made to a consular officer; eligibility for admission or adjustment is determined only when application therefor is made to an immigration officer. Also, please note the items below which are indicated by "X" marks concerning this petition:

1. ☐ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS UNDER THE SUPERVISION OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL ADVISE THE BENEFICIARY CONCERNING VISA ISSUANCE. *Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.*
2. ☐ IF YOU BECOME NATURALIZED AS A CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. AT THE SAME TIME, IF THE PETITION WAS IN BEHALF OF YOUR SON OR DAUGHTER, ALSO ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY EXPEDITE THE ISSUANCE OF A VISA TO THE BENEFICIARY.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION, AS SHOWN ABOVE, HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT Bangkok. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THIS SERVICE HAS NOTHING TO DO WITH THE ACTUAL ISSUANCE OF VISAS. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE UNDER THE JURISDICTION OF THE U.S. DEPARTMENT OF STATE. UNDER THE LAW ONLY A LIMITED NUMBER OF VISAS MAY BE ISSUED BY THAT DEPARTMENT DURING EACH YEAR AND THEY MUST BE ISSUED STRICTLY IN THE CHRONOLOGICAL ORDER IN WHICH PETITIONS WERE FILED FOR THE SAME CLASSIFICATION. WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL INFORM HIM AND CONSIDER ISSUANCE OF THE VISA. *Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.*
4. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION FOR THIS PURPOSE (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS IN ACCORDANCE WITH THE INSTRUCTIONS CONTAINED THEREIN. (IF THE BENEFICIARY HAD PREVIOUSLY SUBMITTED FORM I-485 WHICH WAS RETURNED TO HIM, HE SHOULD RESUBMIT THAT FORM WITHIN 30 DAYS.)
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON HIS PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT (FORM I-485).
6. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. HOWEVER, AN IMMIGRANT VISA NUMBER IS NOT PRESENTLY AVAILABLE. THEREFORE, THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A PERMANENT RESIDENT.
7. ☐ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES THEREOF HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE RETURNED HERewith.
8. ☐ REMARKS

VERY TRULY YOURS,


DISTRICT DIRECTOR

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

OPP ID # 51A
RUL DATE: 08/06/82
PAGE NO. 237

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 041425

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Name: NGUYEN HUANG NHI

Other names used:

DOB: (mmddyy) 02/02/43 COB: VN

Address in Vietnam:

5 TO 4/2 KHU BAO CHI, XA AN PHU, HUYEN THU DUC
P. HO CHI MINH, VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Name: NGUYEN NGOC THIEN THY

DOB: (mmddyy) 04/05/1947 COB: VIETNAM

Address:

BURKE, VA 22015

BURKE, VA 22015

Telephone (Home):

(Business):

Category: REF PRA USC (oil June 21, 1982, No: 11265991)

NAME	Sex	DOB	Rel.	COB	ACCOMPANYING RELATIVES									
					FALCON	Documentation				OTHER				
		MM DD YY	PA		MM DD YY	BC	BCT	MC	MCT	GVN	PHOTO			
NGUYEN HUANG NHI	M	02 02 43	PA	VN								1.		
NGUYEN THI THU VAN	F	12 19 49	WI	VN								2.		
NGUYEN NGOC ANH MINH	M	04 21 75	SO	VN								3.		
												4.		
												5.		
												6.		
												7.		
												8.		
												9.		
												10.		
												11.		
												12.		
												13.		
												14.		

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Priority Date: 06/07/75 Rel Sponsor to PA: SR

I 130 AOR AOS BC BCT MC MCT GVN PHOTO

OTHER

SRV #:

JWL:

Impl/Training (Cat 2): / / to / /

Impl/Training (Cat 3-AC): / / to / /

USAF SVC: US Combat AND: / / to / /



MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

CASE NO. 41250
(for USCC use)

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20005

202/659-6625

Telex: 248393 ATTN: MRS

NEW FORM

APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION (Relatives in Viet-Nam)

My name is : NGUYEN NGOC THIEN THY (THY DAO)
Family Middle Given NameI reside at: BURKE, VA. 22015I was born on: 04-05-1947 in: SAIGON, VIETNAMI arrived in the United States on/in: 06-07-1975 from: EGLIN AIRFORCE
(country or camp) (FLORIDA)My Alien Registration number is: A 22 034 974

My Naturalization Certificate number is: _____

My status is: ☐ Parolee ☒ Permanent Resident ☐ U.S. Citizen

I am making this application to request that the following relatives still in Viet Nam be authorized to come to the United States:

NAME	DATE AND PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP	ADDRESS IN VIETNAM
<u>NGUYEN HOANG NHİ</u>	<u>02-02-1943, CHU LON, VN.</u>	<u>BROTHER</u>	<u>898 TC 4/2 Khu Brie Chi</u> <u>Xa An Phu, Huyen Thi Di</u> <u>TP. HO CHI MINH</u>
<u>NGUYEN THI THU VAN</u>	<u>12-19-1949, TAN AN, VN</u>	<u>SISTER-IN-LAW</u>	<u>"</u>
<u>NGUYEN NGOC ANH MINH</u>	<u>04-21-1975, SAIGON, VN</u>	<u>NEPHEW</u>	<u>"</u>

Signature: Thy DaoDate: NOVEMBER 04, 1981Before me, a Notary Public, on this day personally appeared Thy Dao
known to me to be the person whose name is subscribed to the foregoing instrument and
acknowledged to me that he/she executed the same for the purposes and consideration
therein expressed.STATE OF WashingtonCOUNTY OF KingNOTARY PUBLIC [Signature]My commission expires Jan 1, 1982

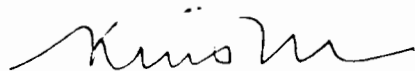
BIRTH CERTIFICATE EXTRACT
FROM CHO LON REGISTRATION BOOK (SOUTH VIETNAM)
*****Year: 1943No. 1213

Name of the Baby	:	NGUYEN HOANG NHI
Sex	:	Male
Date of Birth	:	Feb. 2, 1943
Place of Birth	:	27 Marne Ave., Cho Lon
Father's Name	:	NGUYEN NGOC CHUONG
Occupation	:	Clerk
Residence	:	Saigon
Mother's Name	:	TRAN THI HAI
Occupation	:	None
Residence	:	Saigon
Legitimate wife?	:	Yes, 1st rank

TRUE COPYSaigon, March 27th 1974
For the Chief Clerk,

NGUYEN VAN VANG (signed & sealed)

Translated by:

Tran Thi Kim Dung
Refugee Program Specialist

Certified by:

Oliver Cromwell
Acting Director
Information and Referral Unit
(Certifying Officer)DEPARTMENT OF HEALTH AND HUMAN SERVICES
OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
330 C Street S. W. (Room # 1229)
Washington, D.C. 20201FREE TRANSLATION

Date: February 25, 1981

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SAIGON
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH CHOLON.
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1943
(Année)

SỐ HIỆU
(Acte No)

1213

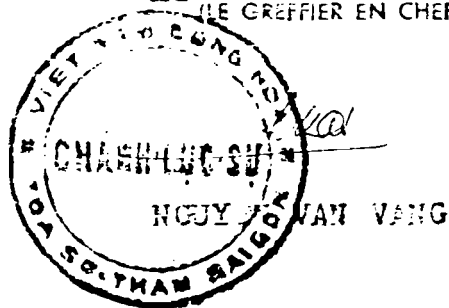
Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYỄN HOÀNG NHỊ
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Masculin
Sinh ngày nào (Date de naissance)	02.2.1943
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	27 avenue de la Marne
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn Ngọc Chương
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Secrétaire
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần thị Hai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	sans profession
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Premier rang

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

SAIGON ngày 27.3.74
KT CHÁNH LỤC-SỰ, SANG. 5
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền . . . : 15 \$ 00
(Coût)

Biên lai số: 25827-
(Quittance No)



REPUBLIC OF VIET NAM

SAIGON
SECOND PRECINCT
NGUYEN CU TRINH VILLAGE

MARRIAGE CERTIFICATE EXTRACT

Year: 1974

No. 38

Name of the Husband : NGUYEN HOANG NHI
Place of Birth : February 2, 1943
Date of Birth : Cho Lon
Name of Husband's Father : NGUYEN NGOC CHUONG
Name of Husband's Mother : TRAN THI MAI
Name of the Wife : NGUYEN THI THU VAN
Place of Birth : December 19, 1949
Date of Birth : Tan An, Long An
Legitimate wife? : Yes
Name of Wife's Father : NGUYEN THI THO
Name of Wife's Mother : TRAN THE ME
Date of Marriage : September 11, 1974 - 0930h

TRUE COPY

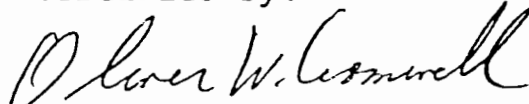
Saigon, September 12th 1974
Civil Status Officer,
CPT. HUYNH NGUYEN (signed & sealed)

Translated by:



Tran Thi Kim Dung
Refugee Program Specialist

Certified by:



Oliver Crowwell
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

DEPARTMENT OF HEALTH AND HUMAN SERVICES
OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
330 C Street S. W. (Room # 1229)
Washington, D.C. 20201

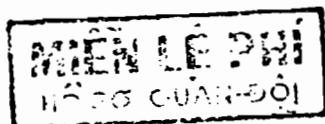
FREE TRANSLATION

Date: February 25, 1981

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON
QUẬN-NHÌ

PHƯỜNG Ng.cư-Trinh

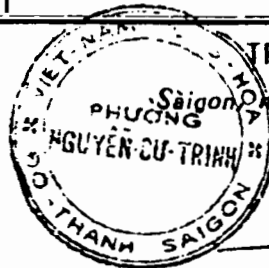
Số hiệu: 38



TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 11 tháng 9 năm 19 74

Tên họ chồng	NGUYỄN HOÀNG NHÌ
Ngày và nơi sanh	02 tháng 2 năm 1943 tại Chợ lớn.
Tên họ cha chồng	Nguyễn-ngọc-Chường (Sống/Chết)
Tên họ mẹ chồng	Trần-thị-Hai (Sống/Chết)
Tên họ vợ	NGUYỄN THỊ THU VÂN
Ngày và nơi sanh	19 tháng 12 năm 1949 tại Tân-An, 1974-75
Tên họ cha vợ	Nguyễn-thị-Thơ (Sống/Chết)
Tên họ mẹ vợ	Trần-thị-Hè (Sống/Chết)
Ngày lập hôn thú	11 tháng 9 năm 1974 hồi 9 giờ 30.
Có lập hôn khế không	//



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH : /...-

Sài-gòn, ngày 11 tháng 9 năm 19 74
PHƯỜNG NGUYỄN-CƯ-TRINH
VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

ĐẠI-ỦY HUỲNH-NGUYỄN

VIỆT - NAM, CỘNG - HÒA

TỈNH HAY THỊ XÃ

Long An

QUẬN Cần Giuộc

XÃ Tân An

Số hiệu 245

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 19 tháng 12 năm 1979

Tên họ đứa trẻ	Nguyễn Thị Thu - Vân
Con trai hay con gái	nữ
Ngày sanh	Le 19. Decembre 1949
Nơi sanh	Maternité Cần Giuộc
Tên họ người cha	Nguyễn - Thi - Thò.
Tên họ người mẹ	Trần Thị Rita
Vợ chánh hay chồng có hôn thú	Chánh
Tên họ người khai	Nguyễn - Thi - Thò.

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH



Ngày 04 tháng 01 năm 1974

Yên Chức Hộ tịch

[Signature]

NGUYỄN VĂN ĐÀN

KHỎI THỊ THỰC

H. T. H. CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Sài Gòn

Lập ngày 24 tháng 4 năm 1975

PHƯỜNG: Cầu Kho

Số hiệu: 075

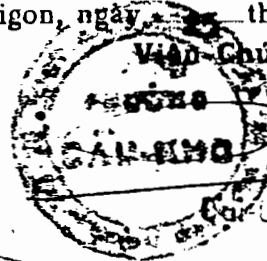
Tên họ đứa trẻ.	<u>NGUYỄN NGỌC-ANH-KINH</u>
Con trai hay con gái. . .	<u>Con</u>
Ngày sanh.	<u>Hai mươi mốt tháng tư năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm. 09/04/75</u>
Nơi sanh.	<u>Saigon. 69 Phất-Diện</u>
Tên họ người cha.	<u>Nguyễn-Hoàng-Mhi</u>
Tên họ người mẹ.	<u>Nguyễn-Thị-Thu-Vân</u>
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	<u>Vợ chánh, hôn thú số 38 Phường Nguyễn-Cư-Trinh, ngày 11-9-1974</u>
Tên họ người đứng khai.	<u>Mhi-San-Dông</u>



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 24 tháng 4 năm 1975

Văn-Chức Hộ-Tịch,



CƠ-UG LẠI-THỂ-PHÚ